

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 01 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh “Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk”;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh “Về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

Căn cứ Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi heo thịt Bazan”;

Xét Văn bản số 172/CV-NNBZ đề ngày 17/12/2024 của Công ty Cổ phần đầu tư nông nghiệp Bazan về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi heo thịt Bazan”, quy mô 12.000 con/lứa tại buôn Ea Pri, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn;;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 466/TTr-STNMT ngày 26/12/2024; Công văn số 249/STNMT-MT ngày 16/01/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần đầu tư nông nghiệp Bazan, địa chỉ tại buôn Ea Pri, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Trang trại chăn nuôi heo thịt Bazan” tại buôn

Ea Pri, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi heo thịt Bazan.

1.2. Địa điểm hoạt động: buôn Ea Pri, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 6001550818, do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/09/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 11/11/2022.

1.4. Mã số thuế của Công ty: 6001550818.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo thịt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Tổng diện tích của dự án là 126.036,6 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất thiết kế: Chăn nuôi 12.000 con heo thịt/lứa; 24.000 con heo thịt/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bazan.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bazan có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy

định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Buôn Đôn tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Buôn Đôn;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bazan (Đ/c: buôn Ea Prí, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn);
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (H. 07B)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm: Nước thải từ nhà vệ sinh đã được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; nước thải từ khu nhà bếp đã được xử lý qua bể tách dầu mỡ; nước thải từ bồn rửa, vệ sinh sàn, tắm giặt).

1.2. Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi (bao gồm: Nước tiểu của heo, nước thải từ vệ sinh chuồng trại và nước thải từ máy ép phân).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau xử lý được đề tái sử dụng phục vụ cho Dự án (Bao gồm: Hoạt động xới nền chuồng và tưới cây tưới cho diện tích cây xanh trong khuôn viên Dự án (chỉ thực hiện tưới cây vào mùa nắng) hoặc xả thải ra suối Ea Pam).

2.2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận nước thải:

2.2.1. *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Suối Ea Pam.

2.2.2. *Vị trí xả nước thải:* suối Ea Pam giáp phía Đông khu vực Dự án. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3^o): X: 433.450,12; Y: 1.422.673,59.

2.2.3. *Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:* 204 m³/ngày đêm.

2.2.4. *Phương thức xả nước thải:*

- Dòng nước thải sau xử lý chứa tại 01 hồ sinh thái và được dẫn bằng đường ống PVC Ø114mm, đặt ngầm cách mặt đất khoảng 0,5 m, dài khoảng 900 m xả ra suối Ea Pam.

- Hình thức xả thải: Tự chảy.

2.2.5. *Chế độ xả nước thải:* liên tục, 24 giờ.

2.3. Lưu lượng nước thải lớn nhất được tái sử dụng: 250 m³/ngày đêm.

- Tái sử dụng vào mục đích vệ sinh lớn nhất là 46 m³/ngày đêm.

- Tái sử dụng vào mục đích tưới tiêu lớn nhất là 204 m³/ngày đêm (chỉ thực hiện tưới cây vào mùa nắng).

2.3.1. Phương thức xả nước thải để tái sử dụng:

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án được lưu chứa tại hồ sinh thái (01 hồ với thể tích 6.250 m³) và được tái sử dụng cho hoạt động của Dự án.

- Chế độ tái sử dụng nước thải: Không liên tục.

2.3.2. Chất lượng nước thải trước khi tái sử dụng phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột A và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH ⁽¹⁾	-	6 – 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	COD ⁽¹⁾	mg/l	100		
3	BOD ₅ (20 ⁰ C) ⁽¹⁾	mg/l	40		
4	Tổng chất rắn lơ lửng ⁽¹⁾	mg/l	50		
5	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/l	50		
6	Clorua ⁽²⁾	mg/l	≤ 600		
7	Asen ⁽²⁾	mg/l	≤ 0,1		
8	Cadimi ⁽²⁾	mg/l	≤ 0,01		
9	Crom tổng số ⁽²⁾	mg/l	≤ 0,5		
10	Thủy Ngân ⁽²⁾	mg/l	≤ 0,002		
11	Chì ⁽²⁾	mg/l	≤ 0,05		
12	E.coli ⁽²⁾	MPN/100 ml	≤ 200		
13	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN/100 ml	3.000		

⁽¹⁾: QCVN 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

⁽²⁾: QCVN 01-195:2022/BNNPTNT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh (08 nhà vệ sinh) được thu gom bằng đường ống PVC D168 mm về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ; Nước thải từ nhà ăn và nhà bếp (01 nhà ăn và nhà bếp) được thu gom bằng đường ống PVC D90 mm dẫn về bể tách mỡ để xử lý, theo đường ống PVC D114 mm về hố hút phân sau đó được dẫn về hầm biogas 1 để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ chuồng nuôi được thu gom cùng với phân heo bằng hệ thống mương bê tông dạng hở (gồm: mương thoát nước có kích thước: 0,2 m x 0,1 m, dài 192 m) dẫn về các hố xả nước thải được xây dựng tại mỗi dãy chuồng nuôi (kích thước: 0,9 m x 0,4 m x 0,96 m; số lượng: 96 cái, kết cấu: xây bằng gạch, bê tông chống thấm). Nước thải theo đường ống BTCT D200 mm dẫn về hố hút phân (kích thước: 8 m x 4 m x 3,9 m, kết cấu: xây bằng gạch, bê tông chống thấm), tại đây lượng phân nổi lên phía trên được bơm về máy ép phân để ép tách nước, lượng nước thải lắng phía dưới được bơm về hầm biogas 1 để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Dung tích thiết kế bể tự hoại: Gồm 08 bể tự hoại, dung tích 13,87 m³/bể.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ khu nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

- Dung tích thiết kế: Gồm 01 bể tách dầu mỡ; kết cấu bằng inox; dung tích 0,36 m³.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (Gồm: nước thải sinh hoạt đã qua xử lý sơ bộ và nước thải chăn nuôi) → Hố hút phân → Hầm biogas 1 → Hồ xử lý nước thải 1 → Hồ xử lý nước thải 2 → Bể Anoxic 1 → Bể Anoxic 2 → Bể Arotank 1 → Bể Arotank 2 → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Hồ chứa nước hệ thống xử lý nước thải → Hồ sinh thái (Nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT) → Tái sử dụng hoặc xả ra suối Ea Pam.

- Công suất thiết kế: 250 m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, polimer, chlorine,...

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không

thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp: Hệ thống thu gom nước thải bị tắc nghẽn; chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu; sự cố hỏng máy móc, thiết bị; sự cố nước thải gây ảnh hưởng đến các đối tượng gần kề Dự án.

- Xây dựng hồ sự cố nằm trong khuôn viên Dự án (Dung tích thiết kế 7.500 m³; đáy lót bạt HPDE). Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải được bơm về hồ sự cố; sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải trong hồ sự cố được bơm ngược trở về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Thường xuyên theo dõi, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, thiết bị, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã ban hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 250 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: 01 vị trí tại hố hút phân (trước hầm biogas 1 của hệ thống xử lý nước thải).

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: 01 vị trí, hồ chứa nước sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bazan phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải); 05 lần lấy mẫu trong 75 ngày.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu nước thải đầu ra) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này. Nước thải sau xử lý chỉ được tái sử dụng cho tưới cây trồng sau khi được xử lý đạt yêu cầu để sử dụng cho tưới cây trồng và được đánh giá, công bố hợp quy theo quy định tại mục 5.2 QCVN 01-195:2022/BNNPTNT.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bazan có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu nước thải chưa được xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Phương tiện vận chuyển heo, thức ăn chăn nuôi và các phương tiện vận chuyển khác phục vụ hoạt động của Dự án.
- Nguồn số 02: Hoạt động chăn nuôi.
- Nguồn số 03: Hoạt động cơ điện như quạt, máy phát điện dự phòng, máy phát điện sinh học,...

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Khu vực văn phòng.
- Khu vực chăn nuôi và khu vực xử lý chất thải của Dự án.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Bố trí hàng rào cao 2m bao quanh Dự án; trồng cây xanh tạo hành lang cách ly Dự án với các đối tượng xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình hoạt động để giảm thiểu tiếng ồn.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	6
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	6
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử.	16 01 13	5
4	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	14 02 02	30
5	Bao bì mềm (có nhiễm thành phần nguy hại)	18 01 01	30
6	Bao bì nhựa cứng (có nhiễm thành phần nguy hại)	18 01 03	30
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	15
8	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn): kim tiêm, ống chích....	13 02 01	20
9	Chế phẩm không có chất gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải: Thuốc thú y hết hạn...	13 02 06	20
	Tổng		162

Ngoài ra, khi có dịch bệnh xảy ra, Dự án sẽ có phát sinh heo chết do dịch bệnh; khối lượng chất thải cần xử lý tùy thuộc vào lượng heo chết cần tiêu hủy.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh	Ghi chú
1	Phân heo	tấn/ngày	1,62	Thu sau máy ép phân
2	Bùn thải từ hầm biogas	tấn/lần hút bùn	1,8	Định kỳ thu gom bùn 3 tháng/lần
3	Bùn thải từ bể tự hoại	tấn/lần hút bùn	0,28	Định kỳ thu gom bùn 6 tháng/lần
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	tấn/lần hút bùn	2,67	Định kỳ thu gom bùn 3 tháng/lần
5	Bao bì đựng thức ăn gia súc	tấn/tháng	0,54	Phát sinh trong hoạt động chăn nuôi
6	Xác heo chết thông thường	tấn/tháng	2,1	Ước tính

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh
1	Chất thải không có khả năng tái chế (Vỏ trái cây, thực phẩm thừa,...)	kg/ngày	42,24
2	Chất thải vô cơ có khả năng tái chế (Bìa carton, giấy, chai nhựa, lọ thủy tinh, kim loại,...)	kg/ngày	10,56

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 09 thùng nhựa HDPE (Có nắp đậy, loại thùng có dung tích 120 lít).

2.1.2. Kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại:

- Diện tích 21 m².

- Kho xây tường gạch, nền bê tông, có mái che, có gờ bao và hố thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 03 thùng nhựa dung tích 120 lít (chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường).

- Phân heo sau khi ép tách nước và bùn thải từ bể tự hoại, từ hầm biogas, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được ủ hoại (Có bổ sung chế phẩm sinh học, phân vi sinh, super lân 2%) đóng vào bao và lưu chứa tại nhà chứa phân.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Nhà chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: Diện tích 21 m²; Kết cấu: nhà cấp 4, tường gạch, mái lợp tôn mạ kẽm, nền lát xi măng chống thấm.

- Nhà đặt máy ép phân: Diện tích 105 m²; Kết cấu: nhà cấp 4, nền láng xi măng, tường gạch, mái lợp tôn mạ kẽm sàn nhà cao hơn nền đất 0,5 m.

- Nhà chứa phân: Diện tích 105 m²; Kết cấu: nhà cấp 4, nền láng xi măng, tường gạch, mái lợp tôn mạ kẽm sàn nhà cao hơn nền đất 0,5 m.

- Khu phơi bùn (Kích thước 20 m x 10 m x 0,5 m); Kết cấu: tường gạch, nền lát bê tông để lưu chứa bùn thải từ bể tự hoại, từ hầm biogas và hệ thống xử lý nước thải.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 03 thùng nhựa HDPE (Có nắp đậy, loại thùng có dung tích 60 lít, 120 lít).

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 21 m².

- Kho xây tường gạch, nền lát gạch, có mái che.

3. Hoạt động tự xử lý, tái sử dụng chất thải:

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại: Không có.

Công ty ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.2.1. Loại chất thải rắn tự xử lý, tái chế, tái sử dụng:

- Xác heo chết thông thường.

- Chất thải rắn sinh hoạt (được phân loại).

- Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi.

3.2.2. Khối lượng chất thải tự xử lý, tái chế, tái sử dụng:

- Heo chết thông thường: Khoảng 70 kg/ngày.

- Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi và các chất thải không có thành phần nguy hại khác: Khoảng 18 kg/ngày.

3.2.3. Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý:

- Nhà hủy xác heo: diện tích 72 m² (kích thước 12 m x 6 m) chia thành 04 ô, kích thước mỗi ô: 3 m x 6 m x 3 m; kết cấu: nhà 1 tầng, nền láng xi măng, tường gạch, mái lợp tôn.

- Quy trình vận hành: Xác heo chết không do dịch bệnh → Ô hủy xác (đặt tại nhà hủy xác) → Rắc mùn cưa → Phun chế phẩm EM → Bùn từ xác heo (sau 4-5 tháng) → Ủ chung phân heo → Bón cho cây trồng.

- Bùn từ xác heo sau 4 - 5 tháng từ ô hủy xác sẽ được thu gom, ủ chung với phân heo (có bổ sung chế phẩm sinh học, phân vi sinh, super lân 2%) làm phân bón cho cây trồng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành lò đốt; sự cố bục vỡ đường ống, hệ thống thu hồi khí biogas; sự cố do cháy nổ và sự cố về dịch bệnh trên heo.

2. Bố trí đường vận chuyển heo, vận chuyển chất thải riêng biệt; bảo đảm yêu cầu an toàn và vệ sinh môi trường, đồng thời thuận lợi trong việc ra vào, giám sát các công trình xử lý chất thải của Dự án.

3. Thực hiện các quy định pháp luật về tài nguyên nước và các yêu cầu nêu tại Giấy phép số 15/GP-UBND ngày 05/03/2024 của UBND tỉnh về khai thác nước dưới đất của Dự án.

4. Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bazan có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng, chăn nuôi và thú y.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường (trừ chất thải có khả năng tái sử dụng), chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Việc tái sử dụng nước thải của Dự án phải tuân thủ các quy định cụ thể cho từng mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật.
4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải có Văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn.